

TOÁN
BÉ HƠN - DẤU <

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Bước đầu biết so sánh các số lượng và sử dụng từ “bé hơn”, dấu < khi so sánh các số.

- Thực hành so sánh các số từ 1 đến 5 theo quan hệ bé hơn.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho hs tính cẩn thận khi làm

3. Thái độ:

- Biết so sánh bé hơn trong cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV: tranh trong sgk, các nhóm đồ vật phục vụ cho việc dạy quan hệ bé hơn. Các tấm bìa ghi số 1, 2, 3, 4, 5, và dấu <

- HS : một số bộ đồ dùng học toán, sgk.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1’

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3’	*Hoạt động 1 Kiểm tra	* GV đưa ra các nhóm mẫu vật và yêu cầu HS viết số tương ứng vào bảng con - HS đếm xuôi từ 1 đến 5 và ngược từ 5 đến 1 - Nhận xét.	* HS viết số vào bảng con - HS đếm số. - HS dưới lớp nhận xét bạn.
2’	*Hoạt động 2 *Bài mới *Giới thiệu bài	* Hôm trước ta học đến số mấy rồi? - Hôm nay ta sẽ so sánh các	* HS chú ý lắng nghe và nhận xét.

<p>13'</p>	<p>* Giảng bài.</p>	<p>nhóm đồ vật với nhau. * GV giới thiệu tranh và hỏi: - Bên trái có mấy ô tô? - Bên phải có mấy ô tô? - Bên nào có số ô tô ít hơn? - Vài HS nhắc lại “ 1 ô tô ít hơn 2 ô tô” - GV treo tranh hình vuông lên và hỏi tương tự như trên để HS so sánh - GV cho vài em nhắc lại “ 1 hình vuông ít hơn 2 hình vuông” - GV giới thiệu: “1 ô tô ít hơn 2 ô tô”, “ 1 hình vuông ít hơn 2 hình vuông”. Ta nói “ 1 bé hơn 2” và viết như sau: $1 < 2$ - GV chỉ vào $1 < 2$ và cho HS đọc “ một bé hơn hai” - GV làm tương tự như trên để rút ra nhận xét “ hai bé hơn ba” - Giới thiệu $3 < 4$, $4 < 5$ tiến hành tương tự như $1 < 2$, $2 < 3$ - GV viết lên bảng: $1 < 2$, $2 < 3$, $3 < 4$, $4 < 5$ rồi gọi HS đọc - Cho HS viết dấu $<$ vào bảng con - GV uốn nắn, sửa sai cho HS Lưu ý : khi viết dấu $<$ giữa hai số, bao giờ đầu nhọn cũng chỉ vào số bé hơn.</p>	<p>* HS quan sát tranh và nhận xét. - HS nhắc lại. - HS đọc cá nhân, nhóm. - HS đọc cá nhân, nhóm. - HS viết dấu $<$ - HS viết dấu $<$ vào vở.</p>
<p>4'</p>	<p>*Hoạt động 3 Thực hành. *Bài 1</p>	<p>* 1 HS nêu yêu cầu toàn bài. - Cho HS viết dấu bé hơn: $<$ - GV viết mẫu, hướng dẫn cách viết - HS thực hành viết, GV sửa sai</p>	<p>* HS nhìn tranh để so sánh, làm bài.</p>
<p>4'</p>	<p>*Bài 3</p>	<p>*HS nêu yêu cầu bài 3 GV hướng dẫn cách làm.</p>	<p>* HS làm bài cá nhân.</p>

3'	*Bài 4	Cho HS làm bài, GV uốn nắn, sửa sai *HS nêu yêu cầu bài 4 HS làm bài và sửa bài.	
4'	Bài 5 Chuyển thành trò chơi.	*HS nêu yêu cầu của bài 5 - GV phổ biến cách chơi và luật chơi: thi nói nhanh kết quả. Tổ nào nhanh hơn là tổ ấy thắng. - Cho HS chơi trò chơi. - Tuyên dương tổ thắng cuộc.	* HS chơi trò chơi thi đua giữa các dãy với nhau
5'	*Hoạt động 4 Củng cố, dặn dò	*Hôm nay học bài gì? - Hướng dẫn học sinh làm bài tập ở nhà. - Nhận xét tiết học.	* HS lắng nghe

**TOÁN
LỚN HƠN - DẤU >**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Bước đầu biết so sánh các số lượng và sử dụng từ “ lớn hơn”, dấu > khi so sánh các số.
- Thực hành so sánh các số từ 1 đến 5 theo quan hệ bé hơn.

2. Kỹ năng:

- Biết so sánh lớn hơn trong thực tế cuộc sống hàng ngày.

3. Thái độ:

- gd hs yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV: tranh trong sgk, các nhóm đồ vật phục vụ cho việc dạy quan hệ lớn hơn. Các tấm bìa ghi số 1, 2, 3, 4, 5, và dấu >
- HS : một bộ đồ dùng học toán, sgk , vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	*Hoạt động 1: Kiểm tra	- GV phát phiếu bài tập cho HS làm bài. - Điền dấu hoặc số thích hợp vào ô trống $4 < \square$ $3 < \square$ $\square < 2$ $5 > \square$	- HS làm bài vào phiếu bài tập.
	*Hoạt động 2:	- GV nhận xét	- Lốp sửa bài.

<p>2'</p> <p>10'</p> <p>3'</p> <p>4'</p>	<p>Giới thiệu bài.</p> <p>* Giới thiệu dấu lớn.</p> <p>*Giới thiệu $3 > 2$, $4 > 3$, $5 > 4$</p> <p>*Hoạt động 3:</p> <p>*Thực hành</p> <p>*Bài 1</p> <p>*Bài 2</p>	<p>* Hôm nay ta học về lớn hơn và dấu ></p> <p>*GV giới thiệu tranh và hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên trái có mấy con bướm? - Bên phải có mấy con bướm? - Bên nào có số bướm nhiều hơn? - GV treo tranh hình tròn lên và hỏi tương tự như trên để HS so sánh - GV cho vài em nhắc lại “ 2 hình tròn nhiều hơn 1 hình tròn” - GV giới thiệu : “2 con bướm nhiều hơn 1 con bướm”, “ 2 hình tròn nhiều hơn 1 hình tròn”. Ta nói “2 lớn hơn 1” và viết như sau: $2 > 1$ - GV chỉ vào $2 > 1$ và cho HS đọc “hai lớn hơn một” * GV làm tương tự như trên để rút ra nhận xét “ ba lớn hơn hai” - GV giới thiệu $4 > 3$ và $5 > 4$ - GV viết lên bảng: $3 > 1$, $3 > 2$, $4 > 2$, $5 > 3$... rồi gọi HS đọc. - Dấu < và dấu > có gì khác nhau? Lưu ý : khác tên gọi, cách viết. Khi viết dấu < , > mũi nhọn luôn hướng về số nhỏ hơn - Phân biệt dấu lớn và dấu bé. * 1 HS nêu yêu cầu bài toán. - Cho HS viết dấu bé hơn: > - GV viết mẫu hướng dẫn cách viết. - HS thực hành viết, GV sửa sai * HS quan sát tranh và so sánh đồ vật bên trái với số đồ vật bên phải trong hình rồi viết kết 	<p>* HS chú ý lắng nghe và nhận xét.</p> <p>* HS quan sát tranh và nhận xét.</p> <p>- HS đọc cá nhân, nhóm.</p> <p>- HS đọc cá nhân, nhóm.</p> <p>* HS phân biệt <, ></p> <p>- HS viết bảng con</p> <p>*HS nêu yêu cầu bài toán.</p> <p>- HS viết dấu > vào vở.</p> <p>* HS nhìn tranh để so sánh, làm bài.</p>
--	--	--	--

4'	*Bài 3	quả vào ô trống phía dưới. HS làm xong thì sửa bài. * HS nêu yêu cầu bài 3 - GV hướng dẫn cách làm tương tự bài 2 - Cho HS làm bài, GV uốn nắn, sửa sai	* HS làm bài cá nhân.
4'	*Bài 4	* HS nêu yêu cầu bài 4 - HS làm bài và sửa bài.	*HS nêu yêu cầu
5'	Hoạt động 4 Củng cố, dặn dò	*Hôm nay học bài gì? Cho HS làm miệng 2 ... 3 5 ... 3 4 ... 1 3 ... 5 Nhận xét tiết học.	* HS lắng nghe - HS làm miệng.

TOÁN LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Củng cố những khái niệm ban đầu về bé hơn, lớn hơn. Về sử dụng các dấu $<$, $>$ và các từ bé hơn, lớn hơn để so sánh hai số.

2. Kỹ năng:

- Biết được cách diễn đạt sự so sánh theo hai quan hệ bé hơn, lớn hơn khi so sánh hai số (cả $2 < 3$ thì có $3 > 2$)

3. Thái độ :

- gd hs yêu thích môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV: bảng phụ. Phiếu bài tập để kiểm tra bài cũ.

- HS: một bộ đồ dùng học toán , sgk , vở li

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ôn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	*Hoạt động 1 Kiểm tra	* GV phát phiếu bài tập cho HS - Điền số (hoặc dấu) thích hợp vào chỗ chấm 4 ...5 3 ...1 5 ...2 3 ...2 - Cho 1 HS lên bảng làm bài - Nhận xét	* HS làm phiếu bài tập - HS dưới lớn nhận xét bạn

2'	*Hoạt động 2 Giới thiệu bài	* Hôm nay ta học bài: Luyện tập	* HS chú ý lắng nghe.
14'	*Bài 1	* Cho HS nêu yêu cầu bài 1 - HS làm bài và sửa bài. - Em có nhận xét gì về kết quả so sánh ở cột thứ nhất: $3 < 4$ và $4 > 3$ - Số 3 luôn bé hơn số 4 và số 4 luôn lớn hơn số 3. Vậy với hai số bất kì khác nhau thì luôn tìm được một số nhỏ hơn và một số bé hơn. - Hãy so sánh với từng cặp số sau đây với nhau: 5 và 3 5 và 1 5 và 4 4 và 3 GV nhận xét.	* Điền dấu vào chỗ trống - HS làm BT 1 - Làm bảng con. - HS so sánh từng cặp số.
14'	*Bài 2	* Cho 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2: - GV hướng dẫn cách làm - Cả lớp làm bài bảng gài.	* HS làm bài 2 làm bộ thực hành toán
5'	*Hoạt động 3 Củng cố, dặn dò	*Hôm nay học bài gì? - Trong số các em đã học số nào là số bé nhất? - Số nào lớn nhất? - Nhận xét tiết học - Tuyên dương các em học tốt.	- HS lắng nghe

TỰ NHIÊN XÃ HỘI
NHẬN BIẾT CÁC VẬT XUNG QUANH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Sau bài này học sinh có thể:
- Nhận xét và mô tả được nét chính của các vật xung quanh

2. Kỹ năng:

- Hiểu được: mắt, mũi, lưỡi, tai, tay (da) là các bộ phận giúp ta nhận biết ra các vật xung quanh

3. Thái độ:

- Có ý thức giữ gìn và bảo vệ các bộ phận của cơ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- GV : Chuẩn bị: khăn (bịt mắt) bông hoa, quả bóng, quả dứa, nước hoa, chanh, gừng...
- HS: Sách tự nhiên xã hội, vở bài tập tự nhiên xã hội.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Ổn định tổ chức: 1'

2. Tiến trình giờ dạy.

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	*Hoạt động 1: Kiểm tra	*GV nêu câu hỏi: - Cơ thể chúng ta lớn lên thể hiện ở những mặt nào? - Để cơ thể khỏe mạnh, mau lớn thì hàng ngày ta phải làm	* Học sinh trả lời câu hỏi, lớp nhận xét.

5'	*Hoạt động 2: Khởi động	gì? - GV nhận xét.	
7'	*Hoạt động 3: Quan sát vật thật	*GV cầm trên tay một số vật và hỏi: - Đây là vật gì? Những bộ phận nào của cơ thể mà em biết? - Ngoài nhận biết bằng mắt, chúng ta còn dùng bộ phận nào để nhận biết các đồ vật xung quanh như: nước hoa, muối, tiếng chim hót ...? Như vậy mắt, mũi, lưỡi, tai, tay đều là bộ phận giúp ta nhận biết các vật xung quanh. Bài học hôm nay giúp ta tìm hiểu điều đó.	* Học sinh hoạt động cả lớp.
15'	*Hoạt động 4: Thảo luận nhóm	*Bước 1: Thực hiện hoạt động. - Cho HS quan sát màu sắc, hình dạng, kích cỡ, cái bàn, ghế, cặp sách, cái bút... HS hoạt động theo cặp, quan sát và nói cho nhau nghe về các vật mà các em mang theo Bước 2: Thu kết quả quan sát. *Bước 1: giao nhiệm vụ và thực hiện hoạt động. - GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi để thảo luận nhóm. Ví dụ: - Bạn nhận ra màu sắc của các vật bằng gì? - Bạn nhận biết mùi vị của các vật bằng gì? - Bạn nhận biết ra tiếng các con vật bằng bộ phận nào? Bước 2 : Thu kết quả hoạt động.	* HS làm việc theo cặp. - HS nêu kết quả quan sát. - Lớp theo dõi nhận xét và bổ sung. * Học sinh làm việc theo nhóm 4 em thay nhau đặt câu hỏi trong nhóm và cùng tìm ra câu trả lời chung - Học sinh hoạt động theo